

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 32,000 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 4.6% | 15.9% | 20.8% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 24,856 - 32,000 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 794 |
| Số lượng CPLH (CP) | 24,799,920 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 21,741 |
| Sở hữu nước ngoài | 1.4% |
| Beta | 0.27 |
| EPS | 5,429 |
| P/E | 5.9 |

DT thuần

Q1/24

354

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -8.8%

YoY: ▲ 1.00| 0.3%

LN trước thuế

Q1/24

28.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼46.4| -61.8%

YoY: ▲ 7.60| 36.0%

LN sau thuế

Q1/24

22.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.3| -61.8%

YoY: ▲ 5.80| 35.1%

ROA

2023

11.8%

+/- YoY: ▼ 12.7%

DT thuần

2023

1,560

tỷ VNĐ

YoY: ▼334| -17.6%

LN trước thuế

2023

158

tỷ VNĐ

YoY: ▼122| -43.4%

LN sau thuế

2023

123

tỷ VNĐ

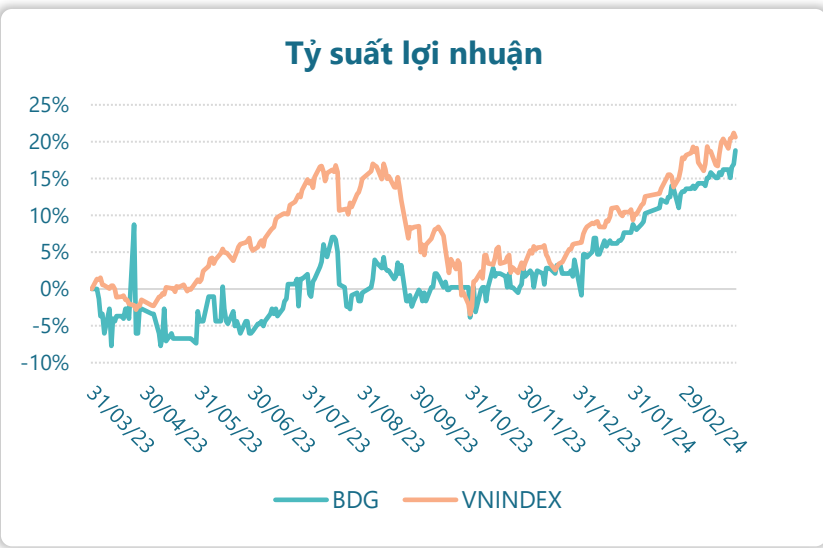
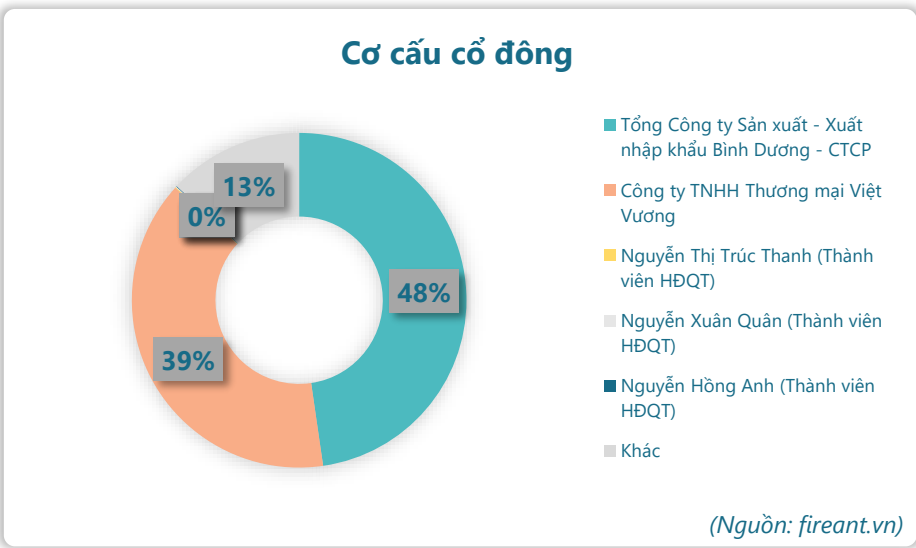
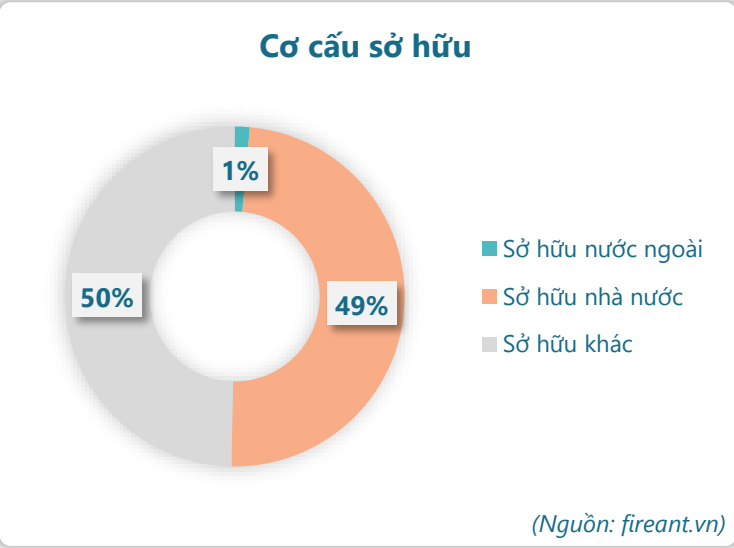
YoY: ▼95.0| -43.7%

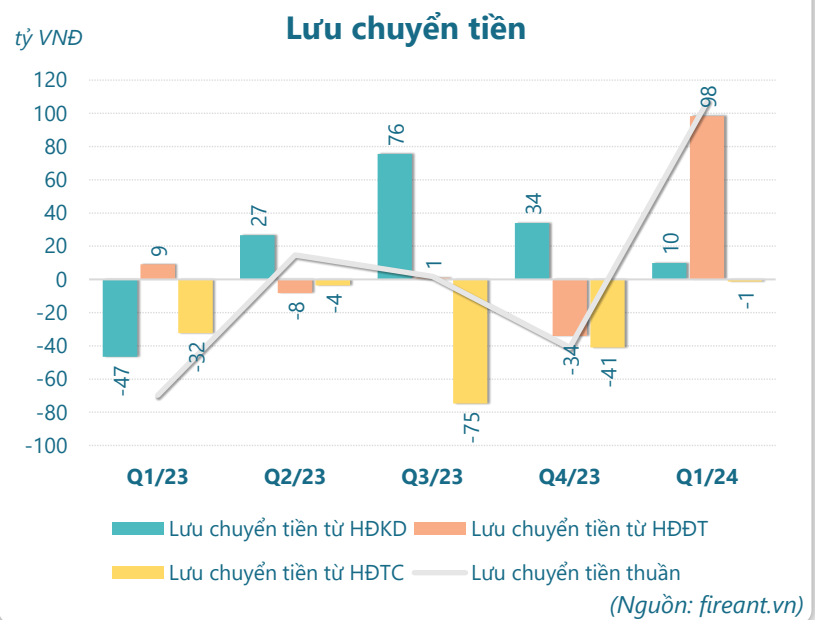
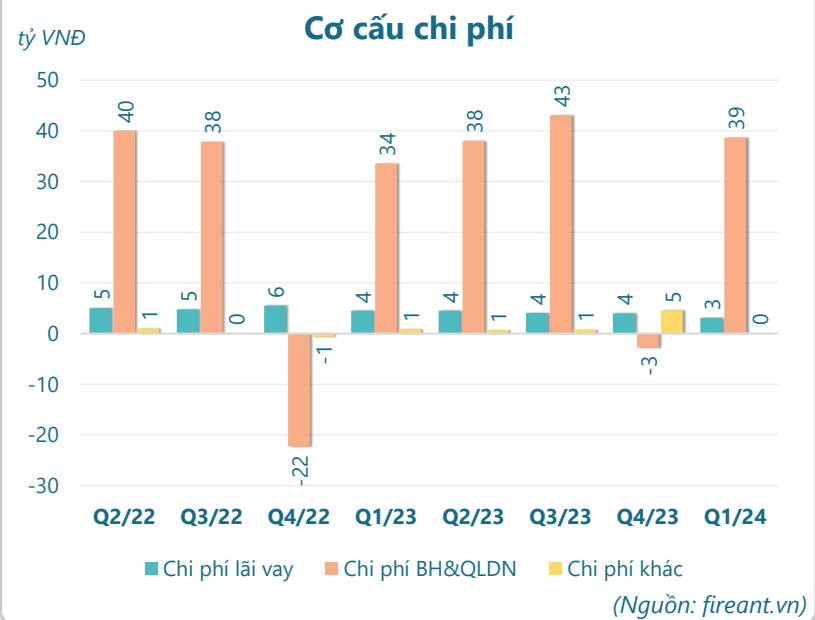
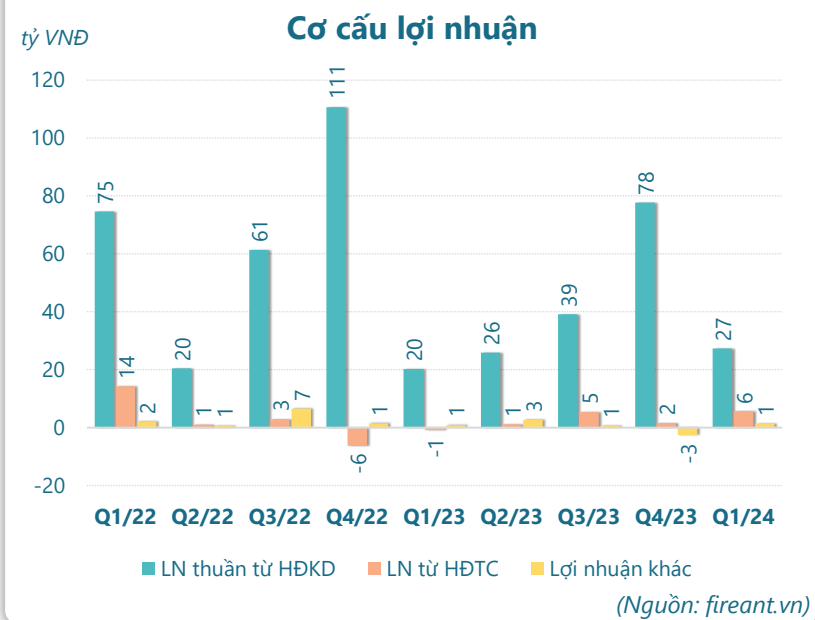
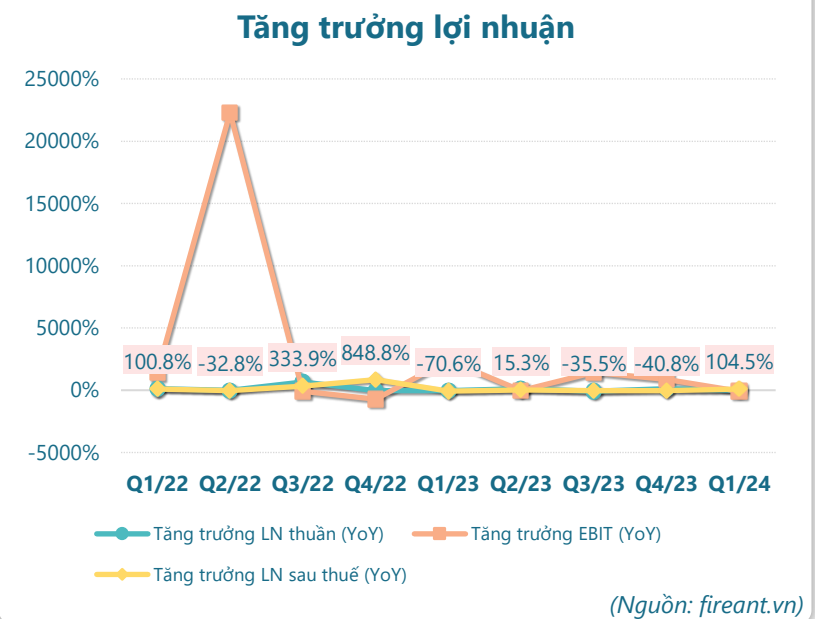
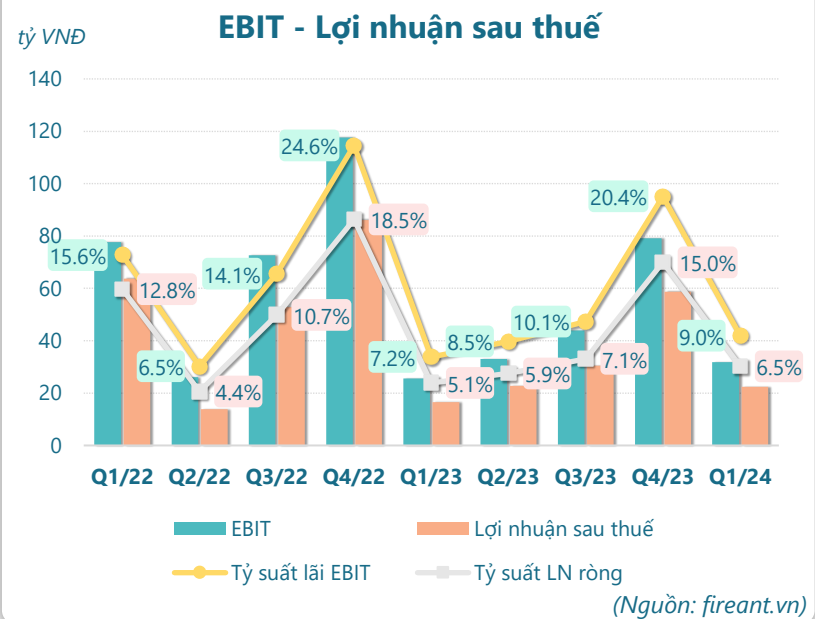
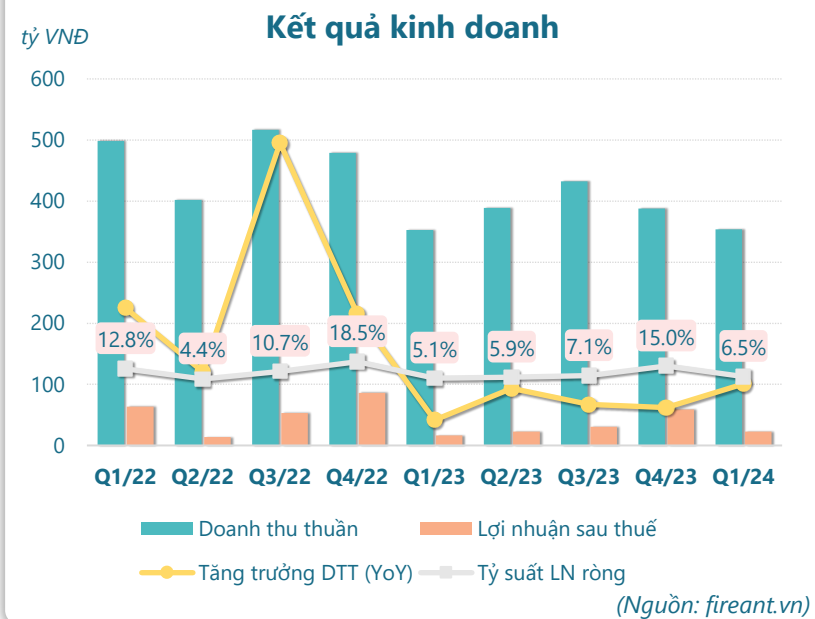
ROE

2023

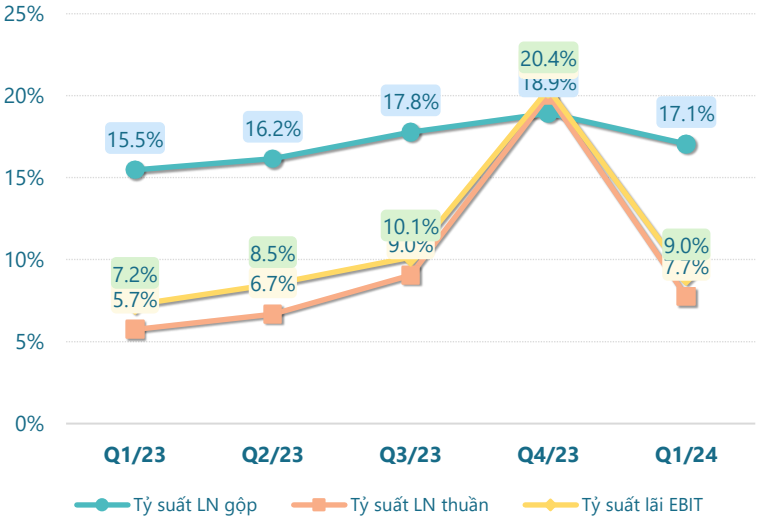
23.0%

+/- YoY: ▼ 30.2%



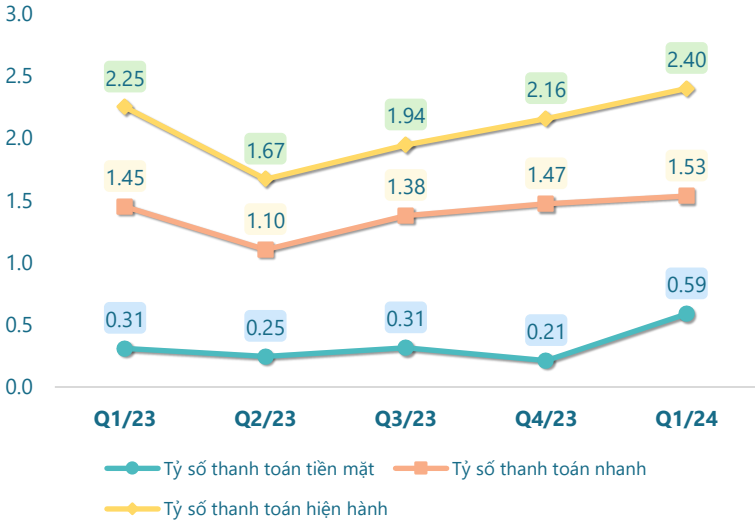


Tỷ suất lợi nhuận



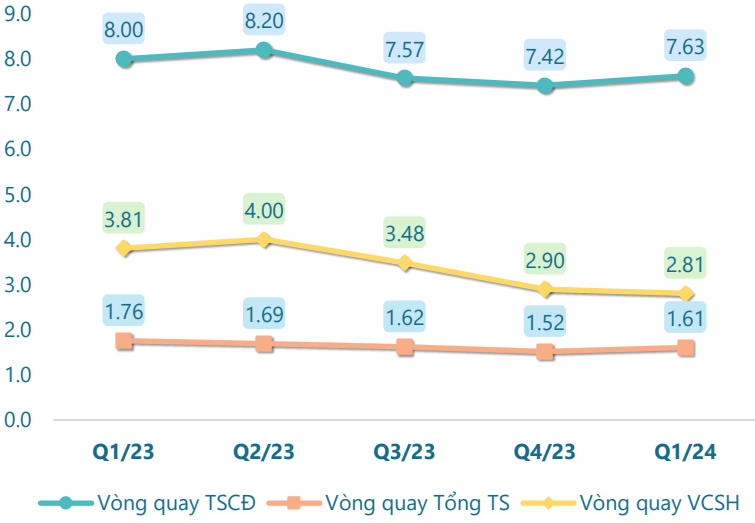
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



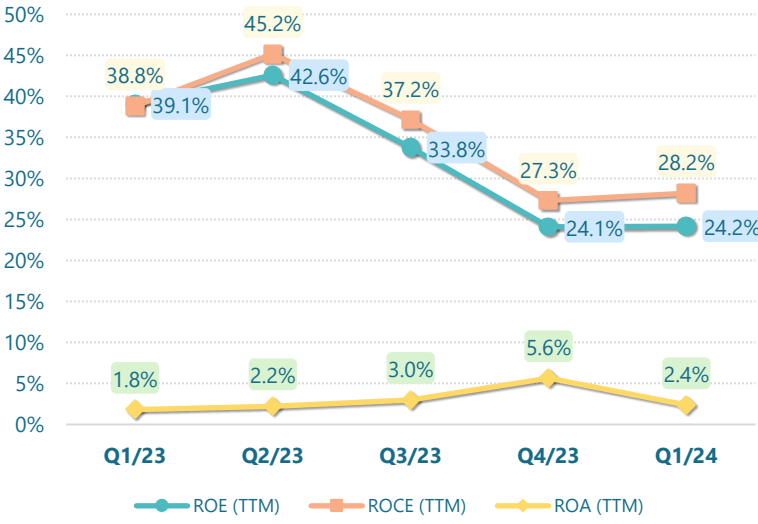
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



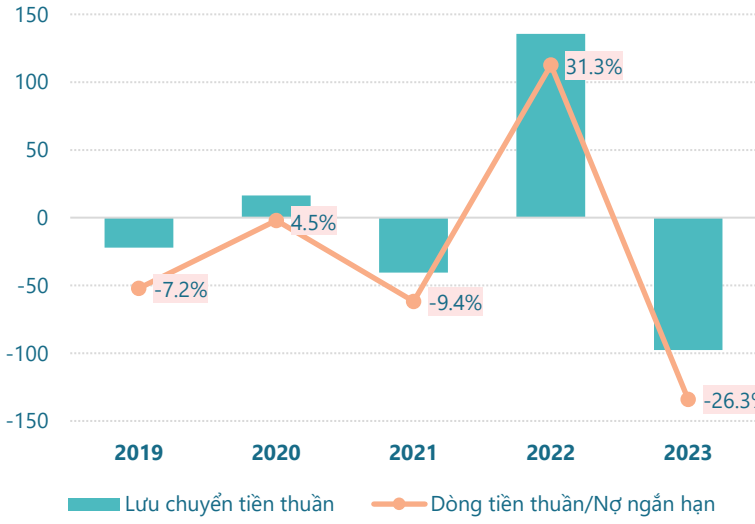
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



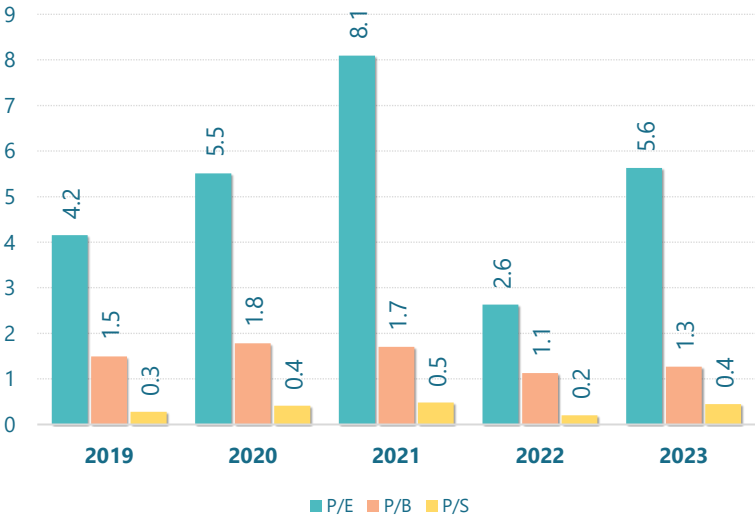
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)